

Số: /KH-UBND

Bắc Ninh, ngày

tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của tỉnh Bắc Ninh

Thực hiện Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (CLTK 21-30) cấp quốc gia, và Công văn số 1079/TCTK-VTKE ngày 27/7/2022 của Tổng cục Thống kê về việc Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện CLTK 21-30 của UBND tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương. UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai tổ chức thực hiện toàn diện có hiệu quả: Luật Thống kê và Luật sửa đổi bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục Chỉ tiêu Thống kê quốc gia của Luật Thống kê; các văn bản pháp luật khác liên có quan đến hoạt động thống kê.

2. Tổ chức tốt việc thực hiện Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung các công việc, cơ quan thực hiện, thời gian thực hiện và sản phẩm tương ứng với từng nhóm công việc được xác định theo Phụ lục Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Kế hoạch này.

2. Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của UBND tỉnh Bắc Ninh, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh cụ thể hóa từng công việc được phân công trong kế hoạch này, đồng thời đưa vào Kế hoạch công tác từng năm của đơn vị mình, tổ chức việc thực hiện các nội dung công việc phù hợp với thời gian và sản phẩm được quy định trong Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30.

3. Định kỳ hàng quý, năm các đơn vị báo cáo tình hình và kết quả thực hiện các nội dung công việc được phân công gửi Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK

21-30 (qua Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh). Báo cáo quý gửi vào ngày 05 tháng đầu quý sau, báo cáo năm gửi vào ngày 10 tháng 01 năm sau để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sau khi Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK 21-30 được thành lập, giao Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức, triển khai, đề xuất, tổng hợp, dự thảo báo cáo hằng năm, định kỳ việc thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch của Trung ương quy định.

2. Các cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nội vụ trực tiếp tham gia Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK 21-30 với chức năng, nhiệm vụ được giao tăng cường công tác tham mưu và thực hiện tốt những nội dung liên quan theo Kế hoạch.

3. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ vào nội dung Chiến lược, Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh, chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện của ngành, địa phương mình và phối hợp với Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK 21-30 tổ chức, triển khai thực hiện. Định kỳ, chậm nhất ngày 31/12 hằng năm, các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược gửi Ban Chỉ đạo tỉnh (qua Cục Thống kê) để tổng hợp, xây dựng báo cáo của Ban Chỉ đạo tỉnh gửi Trung ương theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng thông tấn, báo chí, truyền thông thuộc tỉnh, các địa phương thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản liên quan về CLTK 21-30 và Kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện trên địa bàn tỉnh đến các tầng lớp nhân dân.

6. Đề nghị Tỉnh ủy, cấp ủy các địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh với Ban Chỉ đạo CLTK 21-30 của tỉnh (qua Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh) để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT (Viện khoa học Thống kê, TCTK);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các CQ TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTTH

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Tân Phụng

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 CỦA TỈNH BẮC NINH**
(Kèm theo Kế hoạch số...../KH-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND tỉnh		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Tư pháp		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.2.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	UBND tỉnh	Sở Nội vụ chủ trì , các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	- QĐ của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao; - QĐ của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	UBND tỉnh	Sở Nội vụ chủ trì , các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.2.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao	01312	UBND tỉnh	Sở Nội vụ chủ trì , các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của Nhà nước
1.2.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	UBND tỉnh	Sở Nội vụ chủ trì , các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nguồn nhân lực chất lượng cao
1.2.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	UBND tỉnh	Sở Nội vụ		Hàng năm	- Chính sách, chế độ huy động và sử dụng chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài vào các hoạt động thống kê

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	UBND tỉnh	Sở Nội vụ		Hàng năm	- Chính sách, chế độ huy động và sử dụng chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được ban hành
1.2.2.2	Huy động các chuyên gia nhà khoa học về khoa học trong nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	UBND tỉnh	Sở Nội vụ		Hàng năm	- Danh sách, kèm theo thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào hoạt động thống kê
1.2.2.3	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	UBND tỉnh	Sở Nội vụ chủ trì, Cục thống kê		Hàng năm	- Số lượng khóa học bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin tham gia giảng dạy; - Số lượng công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng.
1.3	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					
1.3.1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các Sở, ban, ngành, cơ quan TW đóng trên địa bàn và các UBND các huyện, thành phố	0145					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.1	Rà soát đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Nội vụ		Hàng năm	BC rà soát, đánh giá hiện trạng nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.3.1.2	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại Sở, ban, ngành, cơ quan TW đóng trên địa bàn và các UBND các huyện, thành phố	01454	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Nội vụ, Sở Tài chính		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo bồi dưỡng do UBND tỉnh tổ chức; - Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do UBND tỉnh tổ chức.
1.3.1.3	Tổ chức các khóa bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở, ban, ngành	01455	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Nội vụ, Sở Tài chính	2023	2030	- Số khóa đào tạo bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê; - Số học viên được bồi dưỡng phổ biến kiến thức thống kê.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.1.1	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.1.2	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.1.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT	2025	2030	- Số cơ quan thống kê Sở, ban, ngành thuộc UBND cấp tỉnh triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành; - Số tiêu chuẩn thống kê ban hành được kiểm tra áp dụng.
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	031					
3.1	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của cơ quan quản lý Nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với Sở, ban, ngành ở địa phương	03121	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống kê với nhau
3.1.1	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý Nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được SX có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có
3.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	
3.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131					

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.4.1	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở; đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê	03145	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, các Sở, ban, ngành trực thuộc UBND tỉnh; Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023	2030	Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422					
4.1.1.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2023	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2023	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng công cụ hiện đại.
4.1.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04222	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở, ban, ngành có liên quan	2023	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát.
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431					
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KT-XH tháng, quý, năm theo HTCT thống kê quốc gia, HTCT thống kê cấp tỉnh, huyện, xã	04311	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT	2023	2030	Danh mục chỉ tiêu KT-XH được rà soát theo HTCT quốc gia
4.2.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic	04312	UBND tỉnh	Sở KH và ĐT chủ trì, Cục Thống kê,	2023	2030	Số BC KTXH quý, năm các báo cáo phân tích và dự báo thống kê có biên soạn thông tin KTXH, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432					
4.2.2.1	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê tại cấp tỉnh	04324	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở KH và ĐT,	2022	2030	- Số lượng maket số liệu KTXH được chuẩn hóa theo phương pháp mới; - Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS); - Phần mềm biên soạn báo cáo KTXH; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử ...

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.3.2	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm	04414	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2021	2030	Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK, của UBND tỉnh
4.3.3	Xây dựng quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh	04415	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2022	2030	QĐ của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh
4.3.4	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng KTXH, vùng kinh tế trọng điểm	04416	UBND tỉnh	Sở KH và ĐT chủ trì, Cục Thống kê	2022	2030	Thông tin về vùng KTXH, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp, ấn phẩm, website...
4.3.5	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung	04417	UBND tỉnh	Cục Thống kê	2022	2030	Website của Cục Thống kê
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	09					
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo KQ kiểm tra.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê Nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê Nhà nước đối với Sở, ban, ngành	0821	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo KQ kiểm tra.
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê Nhà nước đối với cấp huyện	0822	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo KQ kiểm tra.
8.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê Nhà nước đối với cấp xã	0823	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo KQ kiểm tra.
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Tài chính		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK hàng năm của Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh được UBND tỉnh phê duyệt
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	UBND tỉnh	Sở Tài chính		Hàng năm	- Kinh phí thực hiện CLTK của UBND tỉnh được phân bổ cho Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê Nhà nước	0912	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLTK từ các nguồn khác được huy động phê duyệt để thực hiện Chiến lược
9.2	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê của tỉnh và quốc gia	0931	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê của tỉnh và quốc gia	0932	UBND tỉnh	Sở Tài chính	2024	2030	Kinh phí hằng năm được UBND tỉnh phân bổ cho Cục Thống kê
9.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Nhà nước về thống kê	094					
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý Nhà nước về thống kê)	0941	UBND tỉnh	Cục Thống kê chủ trì, Sở Tài chính	2024	2030	- Dự toán kinh phí hằng năm của Cục Thống kê được UBND tỉnh phê duyệt
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	UBND tỉnh	Sở Tài chính	2024	2030	- Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường; - Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30 CỦA TỈNH BẮC NINH						
10	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	101					
10.1.2	Thành lập, Ban Chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	1012	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh
10.2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	102					
10.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	1022	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Tháng 8/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK 21-30 được ban hành

TT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì/ Chỉ đạo	Phối hợp/ Thực hiện	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện Chiến lược	103					
10.3.1	Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược cấp tỉnh do UBND tỉnh chủ trì	1033	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Tháng 9/2022	01 Hội nghị do UBND tỉnh Chủ trì
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	113					
11.1.1	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	1132	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK 21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	114					
11.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK 21-30	1141	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK hàng năm
11.2.2	Sơ kết thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	1143					
11.2.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30 của tỉnh Bắc Ninh	11432	UBND tỉnh	Cục Thống kê	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo Sơ kết (Từ tháng 9-12/2025)
11.2.4	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK20-30	11434	UBND tỉnh	Cục Thống kê		Tháng 03/2026	Hội nghị sơ kết
11.2.5	Tổng kết thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	1144					
11.2.6	Tổng kết thực hiện CLTK 21-30 của tỉnh Bắc Ninh	11442	UBND tỉnh	Cục Thống kê	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	- Báo cáo Tổng kết (Từ tháng 7-10/2030) - Tổ chức Hội nghị tổng kết (tháng 10-12/2030)